

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-7-2020.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2482/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị G, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: 793/28/44 Trần Xuân Soạn, phường H, Quận X, TP. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng C, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: 16/10A, tổ 15, khu phố D, phường L, thành phố Bình Đồng Nai.

(Chị G có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2019, bản tự khai ngày 02/01/2020, bản tự khai bổ sung ngày 25/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng C tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, quyển số 02/2013 ngày 17 tháng 02 năm 2014.

Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm sống của hai vợ chồng không thống nhất dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, không còn tôn trọng lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 21/11/2014. Ly hôn, chị G có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L1, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt ngày 06/01/2020, và Biên bản hòa giải ngày 06/01/2020, anh Nguyễn Trọng C trình bày:

Anh thống nhất về thời gian đăng ký kết hôn, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Lê Thị G trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, mặc dù cũng có một số mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Nay chị G đề nghị được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 21/11/2014. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L1 và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang phải chấp hành án tại Trại giam Phú Hòa nên không thể đến Tòa giải quyết vụ án, cũng như đã có lời trình bày nên anh xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự:

Chị Lê Thị G thực hiện đúng các quy định về quyền của người khởi kiện, đã cung cấp những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, tham gia các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng giấy triệu tập của Tòa án, có đơn xin xét xử vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Trọng C trong quá trình giải quyết vụ án cũng có đơn xin xét xử vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị G thì căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như việc anh Nguyễn Trọng C đồng ý ly hôn, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị G.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Lê Thị G, anh Nguyễn Trọng C có 01 con chung tên Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 21/11/2014. Khi ly hôn cả chị G và anh C đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L1 và không yêu cầu người còn lại phải cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị G, giao cháu Nguyễn Thùy L1 cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện nay cháu L1 đang do chị G trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân anh C sau khi chấp hành án xong cũng không cung cấp các tài liệu chứng minh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Về yêu cầu cấp dưỡng do chị Lê Thị G không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Trọng C, đồng thời qua xác minh tại Công an phường L thì anh Nguyễn Trọng C có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại 16/10A, tổ 15, khu phố D, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Chị Lê Thị G, anh Nguyễn Trọng C là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, do đó căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị G và anh Nguyễn Trọng C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, quyển số 02/2013 ngày 17 tháng 02 năm 2014 nên công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Lê Thị G thì quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến khoảng mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm sống của hai vợ chồng không thống nhất dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Do đó, chị Lê Thị G làm đơn yêu cầu giải

quyết được ly hôn với anh Nguyễn Trọng C vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

Về phần anh Nguyễn Trọng C cũng thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, do chị G kiên quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị G với anh C, giải quyết cho chị Lê Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Trọng C.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Lê Thị G, anh Nguyễn Trọng C có 01 con chung tên Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 21/11/2014. Khi ly hôn cả chị G và anh C đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L1 và không yêu cầu người còn lại phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung thì cháu L1 hiện đang do chị G trực tiếp chăm sóc, cháu L1 vẫn đang phát triển bình thường, đồng thời chị G có công việc ổn định với mức lương trung bình khoảng 7.500.000 đồng. Trong khi anh Nguyễn Trọng C phải chấp hành án tại Trại giam Phú Hòa, sau khi chấp hành án xong anh C không lên Tòa án để làm việc, cũng như không cung cấp các tài liệu chứng minh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, tránh gây xáo trộn về mặt tâm sinh lý của cháu L1, cần giao con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình

Về cấp dưỡng, do chị Lê Thị G không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Trọng C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 10, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 5, 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Trọng C.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 21/11/2014 cho chị Lê Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời Nguyễn Trọng C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Trọng C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
5. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001252 ngày 28/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị Lê Thị G đã nộp xong.
6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị G, anh Nguyễn Trọng C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa (01);
- Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Đức